

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)

DUJIANGYAN CEREALIA FOOD CO.,LTD
Group 11, Chongyi Town, Dujiangyan City, Sichuan Province, P.R.China

Serial No. : CCPIT800 02210573532

Reference No. : 0223141800019832R



**ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA
PREFERENTIAL TARIFF
CERTIFICATE OF ORIGIN**



FORM E

THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA
(Country)

See Overleaf Notes

2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)

DAOHAISAN®

3. Means of transport and route (as far as known)

FROM CHENGDU CHINA TO HO CHI MINH CITY VIETNAM BY AIR

Departure date

DAOHAISAN

Vessel's name / Aircraft etc.

3U3903

Port of Discharge

HO CHI MINH CITY VIETNAM

4. For Official Use

☐ Preferential Treatment Given☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)

Signature of Authorised Signatory of the Importing Party

5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1		THREE (3) CARTONS OF SIBERIA STURGEON CAVIAR (ACIPENSER BAERII) STURGEON CAVIAR (ACIPENSER GULDENSTAEDTII) STURGEON CAVIAR (ACIPENSER SCHRENCKII* HUSO DAURICUS) HS Code: 160431 *** FACTORY NO.: 5100/02003 LOT. NO.: 230722FX001Y FACTORY NAME: DUJIANGYAN CEREALIA FOOD CO., LTD PRODUCTION DATE: DAOHAISAN PRODUCTION NAME: STURGEON CAVIAR PRODUCTION HS CODE: 1604310000 EXPORTED TO: CTY TNHH DAOHAISAN ORIGIN: CHINA TOTAL WEIGHT: 39.25KGS PACKAGE AND QUANTITY: PAPER BOX (OUTSIDE). TIN PLATE TINS (INNER) 39.25KGS .1010 TINS. 3 CARTON	PE	N. WEIGHT 39.25KGS	SR2023093 DAOHAISAN

11. Declaration by the exporter

The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in

CHINA
(Country)
and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to
VIETNAM
(Importing Country)

SICHUAN CHINA DAOHAISAN
Place and date, signature of authorized signatory

13. ☐ Issued Retroactively ☐ Exhibition
☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoicing

12. Certification

It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.



Serial No. 02210568584, 02210569793 Dated DAOHAISAN AUG 24, 2023
cancelled.

ADDRESS: Room 1004, 10th Floor, No. 36, Shuxing West Street, Jinniu District, Chengdu City, Sichuan Province

FAX: 028-68909180

TEL: 028-68909180

SICHUAN CHINA DAOHAISAN
Place and date, signature and stamp of certifying authority



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Số tờ khai105682704410Số tờ khai đầu tiên/0568270441

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA111 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai1604

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCCHQCKTSNMã bộ phận xử lý tờ khai00

Ngày đăng kýĐÀOHAISAN08:40:37Ngày thay đổi đăng ký/ /Thời hạn tái nhập/ tái xuất/ /

Người nhập khẩu

Mã

Tên

Mã bưu chính

Địa chỉ

Số điện thoại

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

TênDUJIANGYAN CEREALIA FOOD CO.,LTD

Mã bưu chínhĐÀOHAISANĐÀOHAISANĐÀOHAISANĐÀOHAISANĐÀOHAISANĐÀOHAISANĐÀOHAISAN

Địa chỉPROVINCE , CHINA

Mã nướcCN

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan			Mã nhân viên Hải quan	
Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	02B1A04	KHO	SCSC
1 87613192336	Địa điểm dỡ hàng	VNSGN	HO	CHI MINH
2	Địa điểm xếp hàng	CNCTU	CHENGDU	
3	Phương tiện vận chuyển		3U3903/30AUG	
4	Ngày hàng đến	ĐÀOHAISAN		
5	Ký hiệu và số hiệu	##12023##		
Số lượng3 CT	Ngày được phép nhập kho đầu tiên			
Tổng trọng lượng hàng (Gross)115 KGM	Mã văn bản pháp quy khác			
Số lượng container				

Số hóa đơnA - SR2023093

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hànhĐÀOHAISAN

Phương thức thanh toánKC

Tổng trị giá hóa đơnA - CIF - USD -

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu				
1 EK02 - 233080S/ CITES-VN	2 -	3 -		
4 -	5 -			

Mã phân loại khai trị giá	6			
Khai trị giá tổng hợp		-	-	-
Các khoản điều chỉnh				
Phí vận chuyển	-	-		
Phí bảo hiểm	-	-		
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ	
1 -	-	-		
2 -	-	-		
3 -	-	-		
4 -	-	-		
5 -	-	-		

Chi tiết khai trị giá

24082023##& Phương thức thanh toán: T/T.

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng			
1 V Thuế GTGT	VND	3	Tổng tiền thuế phải nộp	VND	
2	VND		Số tiền bảo lãnh	VND	
3	VND		Tỷ giá tính thuế	USD	- 23.810
4	VND				
5	VND				
6	VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế 1
			Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế A
Tổng số trang của tờ khai			5	Tổng số dòng hàng của tờ khai	
				3	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Số tờ khai	105682704410	Số tờ khai đầu tiên	/					
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng								
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11	1 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1604		
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CCHQCKTSN		Mã bộ phận xử lý tờ khai			00		
Ngày đăng ký	ĐẠOHAISAN	08:40:37	Ngày thay đổi đăng ký	/	/	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/	/
Số đính kèm khai báo điện tử	1	-	2	-	3	-		
Phần ghi chú	Hàng có C/O form E: 0223141800019832R, ngày ĐẠOHAISAN							

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp	Số quản lý người sử dụng	00003
Phân loại chỉ thị của Hải quan		
Ngày	Tên	Nội dung
1 / /		
2 / /		
3 / /		
4 / /		
5 / /		
6 / /		
7 / /		
8 / /		
9 / /		
10 / /		

Mục thông báo của Hải quan	
Ngày khai báo nộp thuế	/ /
Tổng số tiền thuế chậm nộp	

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)		/	/	
Địa điểm	Ngày đến		Ngày khởi hành	
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~	/ /
	2	/ /	~	/ /
	3	/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế				

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (

Số tờ khai	105682704410	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 1 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CCHQCKTSN	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1604
Ngày đăng ký	DAOHAISAN 08:40:37	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Ngày thay đổi đăng ký	/ /	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /

<01>

Mã số hàng hóa	16043100	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận giá	[]
Mô tả hàng hóa	Trứng cá tầm muối đã được chế biến dùng để ăn ngay, Siberia Sturgeon caviar(Acipenser Baerii); 250 Tins ,NSX: DUJIANGYAN CEREALIA FOOD CO.,LTD, mới 100%				

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	KGM
Trị giá hóa đơn		Số lượng (2)	KGM
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	KGM
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - KGM
Thuế suất	C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đ	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB205
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Số tờ khai	105682704410	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 1 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1604
Ngày đăng ký	DAOHAISAN 08:40:37	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
		Ngày thay đổi đăng ký	/ /
		Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ /

<02>

Mã số hàng hóa	16043100	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá []
Mô tả hàng hóa	Trứng cá tầm muối đã được chế biến dùng để ăn ngay, Russian Sturgeon caviar, (Acipenser gueldenstaedtii), 200 Tins; NSX: DUJIANGYAN CEREALIA FOOD CO.,LTD, mới 100%		

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	KGM
Trị giá hóa đơn		Số lượng (2)	KGM
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	KGM
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - KGM
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đc	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB205
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu

Số tờ khai	105682704410	Số tờ khai đầu tiên					
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng							
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11	1 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	1604	
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CCHQCKTSN			Mã bộ phận xử lý tờ khai		00	
Ngày đăng ký	DAOHAISAN	08:40:37	Ngày thay đổi đăng ký	/	/	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/

<03>

Mã số hàng hóa	16043100	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận giá []	
Mô tả hàng hóa	Trúng cá tầm muối đã được chế biến dùng để ăn ngay, Hybrid Sturgeon caviar (Acipenser Schrenkii Huso Dauricus); 560 Tins,NSX: DUJIANGYAN CEREALIA FOOD CO.,LTD, mỗi 100%			

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)		KGM	
Trị giá hóa đơn		Số lượng (2)		KGM	
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn		KGM	
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-		
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế		- VND	- KGM
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đc			
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN	- CHINA	- B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch			
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-				
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu					

Thuế và thu khác						
1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB205	
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế		
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND				
	Số tiền miễn giảm	VND				
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất		
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế		
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND				
	Số tiền miễn giảm	VND				
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất		
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế		
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND				
	Số tiền miễn giảm	VND				
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất		
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế		
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND				
	Số tiền miễn giảm	VND				
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất		
	Trị giá tính thuế	VND		Số lượng tính thuế		
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác		
	Số tiền thuế	VND				
	Số tiền miễn giảm	VND				